

viên tùy thuộc vào số phòng thi, sao cho mỗi phòng thi có 2 người coi thi (không kể giám thị biên).

2. Thành phần của Hội đồng chấm thi theo đơn vị trường:

- Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng trường sở tại.

- Một Phó Chủ tịch Hội đồng: Phó Hiệu trưởng trường khác.

- Một Thư ký Hội đồng: Thư ký Hội đồng nhà trường hoặc tổ trưởng chuyên môn trường sở tại.

- Các ủy viên Hội đồng: Gồm giáo viên trường sở tại và 2 giáo viên ở trường khác đến. Các ủy viên Hội đồng được lựa chọn trong số những giáo viên có năng lực giảng dạy, đạt trình độ chuẩn và đã từng giảng dạy lớp 4, lớp 5. Số lượng ủy viên tùy thuộc vào số bài thi, sao cho mỗi bài thi có 2 người chấm.

3. Thành phần của Hội đồng chấm thi tập trung các trường tiểu học:

- Chủ tịch Hội đồng: Lãnh đạo Phòng Giáo dục - Đào tạo huyện, quận (thuộc tỉnh, thành phố) hoặc một Hiệu trưởng trường tiểu học.

- Hai Phó Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng một trường tiểu học.

- Hai Thư ký Hội đồng: Phó Hiệu trưởng một trường tiểu học hoặc cán bộ chuyên môn Phòng Giáo dục - Đào tạo huyện, quận (thuộc tỉnh, thành phố).

- Các ủy viên Hội đồng: Gồm giáo viên được lựa chọn trong số những giáo viên có năng lực giảng dạy, đạt trình độ chuẩn và đã từng giảng dạy lớp 4, lớp 5. Số lượng ủy viên tùy thuộc vào số bài thi, sao cho mỗi bài thi có 2 người chấm".

Điều 2. Quyết định này được áp dụng từ năm học 1999 - 2000. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Các Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố trực thuộc Trung ương); Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

NGUYỄN MINH HIỂN

BỘ THƯƠNG MẠI

THÔNG TƯ số 06/2000/TT-BTM ngày 20/3/2000 về quản lý chất lượng dầu nhờn động cơ trong kinh doanh.

Căn cứ Luật Thương mại ngày 10 tháng 5 năm 1997;

Căn cứ Nghị định số 95/CP ngày 04/12/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Thương mại;

Căn cứ Nghị định số 11/1999/NĐ-CP ngày 03/3/1999 của Chính phủ về hàng hóa cấm lưu thông, dịch vụ thương mại cấm thực hiện; hàng hóa, dịch vụ thương mại hạn chế kinh doanh, kinh doanh có điều kiện;

Nhằm tăng cường quản lý nhà nước đối với chất lượng dầu nhờn động cơ trong kinh doanh, Bộ Thương mại hướng dẫn về quản lý chất lượng dầu nhờn động cơ như sau:

Điều 1. Phạm vi áp dụng.

1.1. Thông tư này áp dụng đối với:

a) Các tổ chức, cá nhân, kể cả tổ chức và cá nhân nước ngoài (sau đây gọi tắt là thương nhân)

01/06/14/26

đang hoạt động kinh doanh dầu nhờn động cơ tại Việt Nam (bao gồm: nhập khẩu, pha chế, đóng gói, bán buôn, bán lẻ).

b) Các loại dầu nhờn dùng cho động cơ pít-tông bao gồm: Động cơ đốt trong 4 kỳ và 2 kỳ sử dụng nhiên liệu đốt là xăng hoặc di-ê-zen (DO-Diesl Oil) hoặc khí tự nhiên (natural gas).

1.2. Thông tư này không áp dụng đối với dầu bôi trơn động cơ máy bay.

Điều 2. Quy định về ghi nhãn hàng hóa đối với dầu nhờn động cơ:

Dầu nhờn động cơ tiêu thụ tại thị trường Việt Nam phải ghi nhãn theo Quyết định số 178/1999/QĐ-TTg ngày 30/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế Ghi nhãn hàng hóa lưu thông trong nước và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư hướng dẫn thực hiện số 34/1999/TT-BTM ngày 15/9/1999 và Công văn số 486/BTM-QLCL ngày 31/1/2000 của Bộ Thương mại.

Điều 3. Quy định phân cấp độ nhớt và mức chất lượng; mức chất lượng tối thiểu; phương pháp kiểm nghiệm; và mức chất lượng thực tế của dầu nhờn động cơ được phép tiêu thụ tại Việt Nam.

3.1. Phân cấp độ nhớt và mức chất lượng:

Cấp độ nhớt của dầu nhờn động cơ nêu tại khoản b, mục 1.1 Điều 1 ghi trên nhãn hàng hóa được sử dụng theo hệ thống phân cấp độ nhớt của Hiệp hội kỹ sư ô tô Hoa Kỳ - SAE (Society of Automotive Engineers) tại Phụ lục 1 và mức chất lượng ghi trên nhãn hàng hóa được sử dụng theo hệ thống mức chất lượng của Viện Nghiên cứu dầu mỏ Hoa Kỳ - API (American Petroleum Institute) tại Phụ lục 2.

3.2. Mức chất lượng tối thiểu và phương pháp kiểm nghiệm của dầu nhờn động cơ nêu tại khoản b, mục 1.1 Điều 1 được phép tiêu thụ tại Việt Nam theo quy định tại Bảng 1 (tương ứng mức chất lượng SC/CB).

Bảng 1

Số thứ tự	Tên chỉ tiêu	Mức giới hạn	Phương pháp kiểm nghiệm
1	Độ nhớt động học ở 100°C (cSt)	Theo bảng phân loại cấp độ nhớt SAE	ASTM-D445
2	Chỉ số độ nhớt	Không nhỏ hơn 95	ASTM-D2270
3	Trị số kiềm tổng (TBN) (mg KOH/g)	Không nhỏ hơn 2,4	ASTM-D2896
4	Nhiệt độ chớp cháy cốc hở (°C)	Không nhỏ hơn 180	ASTM-D92
5	Độ tạo bọt ở 93,5°C (ml)	Không nhỏ hơn 50/0	ASTM-D892
6	Tổng hàm lượng kim loại Ca, Mg, Zn (% khối lượng)	Không nhỏ hơn 0,07	ASTM-D4628
7	Hàm lượng nước (% thể tích)	Không nhỏ hơn 0,05	ASTM-D95

(ASTM: American Society for Testing Materials - Hội kiểm nghiệm nguyên vật liệu Hoa Kỳ).

3.3. Mức chất lượng thực tế:

Thương nhân chỉ được phép kinh doanh dầu nhờn động cơ có mức chất lượng bằng hoặc lớn hơn mức chất lượng đã nêu tại bảng 1. Mức chất lượng thực tế tương ứng với mức chất lượng hệ thống API và cấp độ nhớt tại hệ thống SAE.

Điều 4. Quy định về quản lý nhập khẩu dầu nhờn động cơ.

4.1. Thương nhân nhập khẩu dầu nhờn động cơ để tiêu thụ tại thị trường Việt Nam phải thực hiện các quy định tại Điều 2 và các quy định tại Điều 3.

4.2. Mức chất lượng thực tế, quy định kỹ thuật đã công bố trên nhãn hàng hóa, hợp đồng mua bán và các quy định tại Điều 2, Điều 3 Thông tư này là cơ sở pháp lý để giám định hàng hóa, thanh tra chất lượng, kiểm soát thị trường đối với dầu nhờn động cơ.

Điều 5. Quy định về quản lý pha chế dầu nhờn

động cơ và quản lý nhập khẩu nguyên liệu (dầu gốc và phụ gia) để pha chế dầu nhờn động cơ.

5.1. Chỉ các thương nhân có cơ sở sản xuất; pha chế có đủ điều kiện về năng lực kỹ thuật, công nghệ và giấy chứng nhận mới được tổ chức pha chế dầu nhờn động cơ từ dầu gốc và phụ gia.

5.2. Bộ Thương mại phối hợp với Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường tổ chức thẩm định: năng lực kỹ thuật; công nghệ pha chế; môi trường sản xuất; thiết bị an toàn chống cháy nổ; các chứng chỉ chuyên môn phù hợp với ngành, nghề của cơ sở pha chế dầu nhờn động cơ và cấp giấy chứng nhận đối với cơ sở được phép pha chế dầu nhờn động cơ.

Nội dung giấy chứng nhận bao gồm: công suất pha chế, chủng loại sản phẩm, mức chất lượng đạt được của sản phẩm. Thương nhân chỉ được phép pha chế các loại sản phẩm với mức chất lượng theo giấy chứng nhận được cấp.

5.3. Thương nhân được cấp giấy chứng nhận nêu tại mục 5.2 mới được quyền nhập khẩu dầu gốc và phụ gia; số lượng dầu gốc và phụ gia nhập khẩu không được vượt quá công suất pha chế đã được chứng nhận. Thương nhân không được bán dầu gốc và phụ gia ra thị trường trong nước.

5.4. Giấy chứng nhận nêu tại mục 5.2 là một cơ sở pháp lý để thương nhân tiến hành làm thủ tục nhập khẩu dầu gốc và phụ gia tại cơ quan Hải quan. Các thủ tục pháp lý khác theo quy định hiện hành.

5.5. Thương nhân phải kiểm tra chất lượng dầu nhờn động cơ pha chế tại Việt Nam trước khi đưa ra lưu thông. Mức chất lượng và những quy định kỹ thuật công bố trên nhãn hàng hóa phải phù hợp với thực tế của hàng hóa.

Điều 6. Điều khoản thi hành.

6.1. Thông tư này thay thế Thông tư liên tịch giữa Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường - Bộ Thương mại số 565/KCM -TM ngày 15/5/1997.

6.2. Thương nhân nêu tại khoản a, mục 1.1 Điều 1, phải chấp hành các quy định tại Thông tư này. Nếu vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính trong lĩnh vực hoạt động thương mại và bị thu hồi giấy chứng nhận nêu tại mục 5.2 Điều 5.

6.3. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 30 ngày kể từ ngày ban hành./.

KT. Bộ trưởng Bộ Thương mại
Thứ trưởng

LƯƠNG VĂN TỰ

Phụ lục 1

CÁC CẤP ĐỘ NHỚT CỦA DẦU NHỜN ĐỘNG CƠ PHÂN LOẠI THEO SAE

Cấp độ nhớt SAE	Độ nhớt ở 100°C, cSt	
	Nhỏ nhất	Lớn nhất
OW	3,8	-
5W	3,8	-
10W	4,1	-
15W	5,6	-
20W	5,6	-
25W	9,3	-
20	5,6	< 9,3
30	9,3	< 12,5
40	12,5	< 16,3
50	16,3	< 21,9
60	21,9	< 26,1

Phụ lục 2

CÁC MỨC CHẤT LƯỢNG CỦA DẦU NHỜN ĐỘNG CƠ PHÂN LOẠI THEO API

- Dầu nhờn động cơ dùng cho động cơ xăng: SA, SB, SC, SD, SE, SF, SG...
- Dầu nhờn động cơ dùng cho động cơ diesel: CA, CB, CC, CD, CE...

• Dầu nhờn động cơ đa năng dùng cho cả động cơ xăng và đi-ê-zen bao gồm cả hai ký hiệu trên, ví dụ: SA/CB; SG/CD.

QUYẾT ĐỊNH số 492/2000/QĐ-BTM ngày 20/3/2000 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ASEAN của Việt Nam - Mẫu D để hưởng các ưu đãi theo Hiệp định về Chương trình Ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) ban hành kèm theo Quyết định số 416/TM-ĐB ngày 13/5/1996 của Bộ trưởng Bộ Thương mại.

BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI

Căn cứ Nghị định số 95/CP ngày 04/12/1993 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Thương mại;

Căn cứ Nghị định số 20/1999/NĐ-CP ngày 12/4/1999 của Chính phủ về kinh doanh dịch vụ giám định hàng hóa;

Căn cứ Quyết định số 651/TTg ngày 10/10/1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ủy ban Quốc gia điều phối hoạt động của Việt Nam trong ASEAN;

Căn cứ Công văn số 356/VPUB ngày 22/1/1996 của Chính phủ về việc chỉ định cơ quan cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo Hiệp định CEPT;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Xuất nhập khẩu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Sửa đổi khoản 2 Điều 5 Quy chế cấp Giấy

chứng nhận xuất xứ ASEAN của Việt Nam - Mẫu D để hưởng các ưu đãi theo Hiệp định về Chương trình Ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) ban hành kèm theo Quyết định số 416/TM-ĐB ngày 13/5/1996 của Bộ trưởng Bộ Thương mại.

2. Ban hành Phụ lục 4 (sửa đổi) về Thủ tục xin kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận kiểm tra xuất xứ hàng hóa Mẫu D thay thế Phụ lục 4 của Quy chế nói trên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Xuất nhập khẩu, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan thuộc Bộ Thương mại chịu trách nhiệm thi hành và hướng dẫn thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Thương mại
Thủ trưởng

MAI VĂN DÂU

QUY CHẾ cấp Giấy chứng nhận xuất xứ ASEAN của Việt Nam - Mẫu D để hưởng các ưu đãi theo Hiệp định về Chương trình Ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) (sửa đổi)

(ban hành kèm theo Quyết định số 492/2000/QĐ-BTM ngày 20/3/2000 của Bộ trưởng Bộ Thương mại).

II. THỦ TỤC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN MẪU D

Điều 5. Hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận Mẫu D bao gồm: